

the current expedition, measuring, sketching Hoang Sa, plug milestone...

Keywords: Hoang Sa (Spratly Islands), Truong Sa (Paracel Islands), sovereignty, Vietnam

Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn (1802 - 1884)

• **Trần Thị Mai**

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Vua Minh Mạng khi tại vị từng khẳng định: “Việc trị quốc phải nhìn xa thấy rộng. Từ khi thân chính, Trẫm thường nghĩ kế lâu dài cho nước, đắp Trường thành ở Quảng Bình, xây hùng quan ở Hải Vân, những nơi ven biển xung yếu như Thuận An, Tư Dung... không nơi nào không xây pháo đài, lợi dụng địa thế hiểm trở của sông núi để xây đắp công sự và sửa chữa hỏa pháo Tây Dương để phòng bất trắc, quả thật là trong thời bình phải nghĩ đến thời loạn, việc đó không thể lơ là được”¹. Không chỉ Vua Minh Mạng mà hầu hết các vị vua triều Nguyễn từ Gia Long đến Thiệu Trị, Tự Đức đều ý thức

Từ khóa: Phòng thủ, nhà Nguyễn

sâu sắc việc phòng thủ vùng biển của Tổ quốc. Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn được triển khai thông qua các biện pháp thiết thực: xây dựng thủy quân vững mạnh, phát triển hệ thống phòng thủ trên biển, ban hành các quy chế “tuần dương chương trình”, “tuần thuyền quy thức”, “tuần dương xử phạt lệ”...

Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn (1802-1884) và những bài học kinh nghiệm rút ra từ việc nghiên cứu hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn không chỉ mang ý nghĩa “ôn cố tri tân” mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc.

1. Trong hơn 80 năm tồn tại với tư cách một vương triều độc lập, vương triều Nguyễn ý thức sâu sắc chủ quyền quốc gia trên biển

Vua Gia Long là người đặt nền móng đầu tiên cho hoạt động xác lập chủ quyền trên biển của vương triều. Chỉ một năm sau khi xác lập và khẳng định tính chính thống của vương triều Nguyễn trên vũ đài lịch sử, nhà vua đã cho lập lại đội Hoàng Sa. Sách *Đại Nam thực lục chính biên*

chép rõ: “Tháng 7, Lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa”¹. Hải đội Hoàng Sa được thành lập từ thời những chúa Nguyễn đầu tiên đặt chân đến xứ Đàng Trong (từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687). Chính Sử triều Nguyễn cho biết đội

¹ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IV, NXB Giáo dục, 2007

Hoàng Sa là một tổ chức khá đặc biệt trong thời kỳ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Đây là một tổ chức vừa mang tính dân sự vừa mang tính quân sự, vừa tư nhân vừa Nhà nước; vừa có chức năng kinh tế vừa có chức năng quản lý nhà nước trên một vùng rộng lớn của Biển Đông thời ấy. Nhiệm vụ của hải đội là thu lượm các sản vật từ các tàu đắm, các hải sản quý từ vùng biển phía bắc quần đảo Hoàng Sa, kiêm quản trông coi các đội khác cùng làm nhiệm vụ nhưng ở khu vực khác như đội Bắc Hải ở phía nam (bao gồm vùng biển Nam Trung bộ, Nam bộ và quần đảo Trường Sa). Khi vua Gia Long cho lập lại, hải đội đảm trách thêm nhiệm vụ xem xét, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ vùng quần đảo Hoàng Sa, do thám, canh giữ ngoài biển, trình báo về hoạt động của các toán cướp biển lên triều đình. Trong 18 năm trị vì (1802 – 1820), nhà vua đã nhiều lần phái quân ra biển đảo để khẳng định chủ quyền của vương triều đối với các đảo và quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa. Đặc biệt trong ba năm liên tiếp 1815, 1816, 1817 nhà vua đã triển khai rất ráo việc xem xét đo đạc thủy trình trên biển: năm 1815 Tháng 2, sai đội Hoàng Sa là bọn Phạm Quang Ảnh ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển; năm 1816 và năm 1817, bắt đầu cho thủy binh đi công tác Hoàng Sa cùng với đội dân binh ở Quảng Ngãi, để xem xét và đo đạc thủy trình. Dân phu cùng đi chính là những dân phu giỏi hải trình đi Hoàng Sa².

Dưới thời Vua Minh Mạng, phương Tây ngày càng lộ rõ dã tâm thực dân của họ, nhà vua càng phải chú ý hơn tới vùng biển của Tổ quốc. Vua từng nói với Bộ Binh rằng: *“Việc trị quốc phải nhìn xa thấy rộng. Từ khi thân chính, Trẫm thường nghĩ kế lâu dài cho nước, đắp Trường thành ở Quảng Bình, xây hùng quan ở Hải Vân, những nơi ven biển xung yếu như Thuận An, Tur Dung... không nơi nào không xây pháo đài, lợi*

*dụng địa thế hiểm trở của sông núi để xây đắp công sự và sắm sửa hỏa pháo Tây Dương để phòng bất trắc, quả thật là trong thời bình phải nghĩ đến thời loạn, việc đó không thể lơ là được”*³. Năm 1829, Nhà vua ra dụ cho Bộ Binh *“Pháo đài Trấn Hải ở kinh sư, pháo đài Điện Hải ở tỉnh Quảng Nam đều là chỗ xung yếu, nên dù lúc vô sự, việc canh phòng cũng không thể bỏ qua. Bộ ấy nên truyền bảo quan binh trú phòng ở hai pháo đài ấy hết thủy súng đạn, khí giới, quân nhu lúc nào cũng dự bị đầy đủ để phòng lúc bất ngờ”*⁴. Năm 1840, quan ngại trước tình hình phức tạp trong khu vực, vua Minh Mạng ra dụ cho quan tỉnh Quảng Nam *“Nghe nói người Anh Cát Lợi gây hấn với nước Thanh, có thể xảy ra chinh chiến. Nước ta giáp với nước Thanh. Mà vùng Trà Sơn ở cửa bể Đà Nẵng trước đây tàu thuyền nước ngoài thường tạm đóng, nay cần phải dò xét tuần phòng để vững chỗ bể”*⁵. Đối với vùng đảo và quần đảo ngoài khơi, đều đặn hàng năm, nhà vua đều phái thủy binh ra Hoàng Sa, Trường Sa vãng thám, đo đạc thủy trình, cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền, dựng miếu thờ, xây bình phong và thực hiện nhiều hoạt động khác... Yêu cầu của triều đình đối với các đội làm nhiệm vụ ở Hoàng Sa là: *“Không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, khi thuyền đến thì cũng phải xem xét xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển xung quanh nông hay sâu, có bãi đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tất đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại xét ngày khởi hành từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào thuyền đi, tính được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ bên đối thẳng vào bờ là tỉnh hạt nào, cách bờ chừng bao*

² Lê Quý Đôn – Phù biên tập lục, nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1977

³ Dẫn lại từ Vu Hướng Đông, Ý thức biển của vua Minh Mệnh, tạp chí Xưa và nay, tháng 11-2009

⁴ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, tập III, NXB Thuận Hóa, 1994, tr. 237

⁵ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, tập III, NXB Thuận Hóa, 1994, tr.274

*nhieu dặm. Nhất nhất nói rõ, đem vẽ dâng trình*⁶.

Các vị vua kế nhiệm Thiệu trị, Tự Đức tiếp nối tinh thần của các vua tiền triều luôn có ý thức chăm lo chủ quyền trên biển. Hình ảnh biển Đông được thể hiện trên Cao Đình (Gia Long), biển Nam trên Nhân Đình (Minh Mạng) và biển Tây trên Chương Đình (Thiệu Trị) là sự thể hiện cao nhất ý thức về biển của các vua đầu triều Nguyễn.

2. Từ ý thức sâu sắc về chủ quyền trên biển, vương triều Nguyễn dành nhiều công sức, tiền của, nhân lực đầu tư xây dựng hệ thống phòng thủ hải đảo và ven biển.

Trước hết đối với vùng biển bao bọc sườn đông kinh thành Huế, đặc biệt là cửa biển Thuận An, nhà Nguyễn cho xây nhiều vọng lâu ở các tảo sở, cấp cho kính thiên lý để quan sát tàu thuyền đi lại ngoài khơi, lại cho khắc hình ảnh cửa Thuận An lên Nghị Đình⁷. Năm 1837, vua Minh Mạng ra dụ cho Bộ Công: “Cửa bể Thuận An là nơi thiết yếu vùng bể, ở ngay nách Kinh đô. Trước đây thuyền bè ra vào phải căn cứ vào văn thư của đồn canh tại cửa bể ấy để báo lên thời không phải chậm trễ, nay thuận cho mé trước Kinh thành theo bờ biển đến thành Trấn Hải phải tùy chỗ mà đặt “Vọng lâu” (lầu trông xa) may cho cờ hiệu để thứ đệ truyền báo nơi nọ đến nơi kia, mỗi lầu phải đặt chức Suất đội, chức Thợ lại và binh lính đều ở trên lầu trông đi xa. Nếu thấy lầu ở dưới báo cờ hiệu sắc gì thời trên lầu kéo ngay hiệu cờ cũng theo màu sắc ấy, để tin được nhanh chóng, vậy Binh bộ và Công bộ phải bàn điều lệ để tâu lên”⁸. Tại Thuận An, triều đình đặt chức quan trông coi phòng thủ đứng đầu là

Thành thủ ủy quản lính vệ phòng hải; 7 đội vệ tảo binh phòng hải túc trực. Ngoài ra, triều đình còn huy động nhân dân sở tại, chủ yếu là ngư dân tham gia vào việc tuần thám: “Bắt dân phu gần lũy, ngồi hạng thuyền (đánh cá nhanh nhẹn) đi tuần thám mặt biển. Nếu thấy có đoàn thuyền lạ đi liền nhau từ 3 chiếc trở lên, thì lập tức bắt hai người quan đương phiên ở Nội hầu, Tiểu sai về Kinh tâu bày. Nếu ban ngày, thì phải trình với viên quan vệ Thị trung, Thị nội đương phiên ở trực hầu dẫn tâu; nếu ban đêm, thì phải tới cửa Hiến nhân, thông báo với quan giữ cửa chuyển trình Chánh, Phó Vệ úy, Thị trung, Thị nội đương phiên ở trực để nhờ tâu”⁹. Cùng với việc bố phòng nghiêm cẩn cửa Thuận An, triều Nguyễn cho xây dựng một hệ thống pháo đài và đồn lũy liên hoàn nối kết từ Thuận An tới cửa Tư Hiền¹⁰, cả trên biển lẫn đất liền để đảm bảo hiệu quả từ xa. Những pháo đài và đồn lũy chính gồm: Thành Trấn Hải (còn gọi là Trấn Hải Thành được đắp từ năm 1813, hình tròn, chu vi 17 trượng 2 thước, cao 11 thước, hào rộng 1 trượng, sâu 6 thước, 1 cửa, trên thành có 99 sở ụ súng, thường xuyên có 100 binh canh giữ, từ tháng 3 đến tháng 8 số lính phòng tăng gấp đôi); pháo đài Hòa Duân (được xây dựng năm 1847 dưới thời vua Thiệu Trị, thuộc địa phận làng Hòa Duân ở phía nam kinh thành Huế. Đây là công trình phòng thủ quan trọng để bảo vệ cửa biển Thuận An. Tiếp ứng liên hoàn với pháo đài Hòa Duân là cụm hỏa lực đặt trên hòn Thổ Sơn và một lũy cát ở phía Bắc dài 30 mét và lũy cát phía Đông - Bắc dài 40 mét); đồn Cồn Sơn (nằm trên đảo nhỏ ở phá Tam Giang. Tại đây, triều đình lợi dụng địa thế đặc lợi là dải cát bồi để đặt điểm hỏa lực, có thể hạn chế hiệu quả hỏa lực từ ngoài vào cửa

⁶ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IV, NXB Giáo dục, 2007, tr. 867.

⁷ Nghị Đình là một trong chín cái **đình** bằng **đồng**, đặt ở trước sân **Thế miếu** trong **Hoàng thành Huế**. Cửa Đình được vua **Minh Mạng** ra lệnh đúc vào mùa đông năm **1835** và khánh thành vào ngày **1 tháng 3** năm **1837**.

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Tập III, Sdd, tr.264.

⁹ Nội các triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, Tập 10, tr. 363.

¹⁰ Cửa Tư Hiền, tục gọi là cửa Ông hay cửa Biện là cửa biển thông **đầm Cầu Hai** với **Biển Đông**. Đây là một trong hai cửa biển chính của hệ đầm phá Tam Giang-Cầu Hai của **Việt Nam**. Cửa Tư Hiền nằm giữa hai xã **Vinh Hiền** và **Lộc Bình**, tỉnh **Thừa Thiên Huế**.

đối phương, không chế con đường từ phá Tam Giang ngược dòng sông Hương)¹¹; Ngoài ra còn có sự liên thủ của nhiều đồn lũy nhỏ khác như Hạp Châu, Lộ Châu, Hy Du, Hải Trình, Thuận Hòa, Quy Lai, Thủy Tú, Triều Sơn...

Ở khu vực Đà Nẵng, một vị trí chiến lược cả trên biển lẫn đất liền của đất nước, đặc biệt với kinh đô Huế, nhà Nguyễn tiến hành xây dựng hệ thống phòng thủ quy mô và kiên cố. Việc phòng thủ cửa biển Đà Nẵng được nhà Nguyễn xếp vào hạng tối khẩn. Năm 1837, vua Minh Mạng đã ban dụ: *“Tấn Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam là nơi bờ bể quan trọng ở gần kinh kỳ, tàu thuyền nước ngoài qua lại, quan hệ không phải là nhỏ. Vậy chuẩn định: Từ nay phàm tàu thuyền nước ngoài bất kỳ đến khu tấn Đà Nẵng mà đậu nhờ, thì không kể là dấu hiệu nước nào và là kiểu thuyền gì, viên tấn thủ ấy phải tự đến hỏi rõ tình hình. Nếu là việc quan trọng lập tức làm tờ tâu do đường trạm phi ngựa dâng lên, hoặc do lệ tối khẩn phát trạm đưa vào tâu. Còn các công việc tầm thường, cũng lập tức kể đủ duyên do tâu vào bộ để chuyển tâu, khiến Trẫm sớm biết hết tình trạng, điều ấy rất là quan trọng. Cần phải hết lòng cẩn thận, nếu vẫn sơ suất như cũ và tâu báo chậm trễ, thì tất phải can vào quan lại nghị tội, hoặc nhân báo chậm mà đến nỗi làm lỡ công việc, thì phải trị tội thêm bậc không tha”*¹². Tại cửa biển Đà Nẵng, triều đình cho bố trí lực lượng phòng thủ ngày đêm. Thời Gia Long, Minh Mạng, quân số túc trực là 39 người, thời Thiệu Trị đặt thêm chức Lãnh binh thủy sư, năm đầu triều Tự Đức (1848) chuẩn *“Tấn Đà Nẵng lệ trước phái lấy 50 lính pháo thủ ở vệ Hộ Vệ, Cảnh Sát và doanh Thần Cơ cùng 40 lính pháo thủ thuộc tỉnh; định làm 6 tháng 1 lần thay đổi và lấy*

*tháng 5 và tháng 11 làm kỳ thay phiên”*¹³. Từ năm 1813, vua Gia Long đã cho xây hai pháo đài trấn thủ bên trái và bên phải cửa Đà Nẵng là Điện Hải và An Hải. Pháo đài do kỹ sư Oliver Puymanel thiết kế theo kiến trúc Vauban. Sau khi xây xong nhà vua giao cho Nguyễn Văn Thành thống suất 500 quân phòng giữ. Hệ thống phòng thủ cửa biển Đà Nẵng gồm: Thành Điện Hải (*chu vi 139 trượng, cao 1,2 trượng, hào sâu 7 thước, mở 3 cửa, dựng một kỳ đài và 30 sở pháo đài*); Thành An Hải (*chu vi 41,2 trượng, cao 1,1 trượng, hào sâu 1 trượng, mở 2 cửa, dựng một kỳ đài và 7 sở pháo đài*); pháo đài Định Hải (ở phía tây bắc cửa biển Đà Nẵng); pháo đài Phòng Hải và Trấn Dương thất bảo (phía đông bắc cửa Đà Nẵng); Ngoài ra còn có hệ thống đồn lũy dày đặc như: Hải Châu, Phước Ninh, Thạc Gián, Hóa Khuê, Mỹ Thị, Nại Hiên... nối kết liên hoàn với nhau và với hệ thống phòng thủ trên đất liền ở phía bắc Đà Nẵng.

Ở khu vực các tỉnh phía bắc kinh thành Huế, hệ thống tấn thủ trên biển cũng được triều đình quan tâm xây dựng, tu bổ và đốc thúc phòng bị. Tại Thanh Hóa, triều đình cho xây dựng nhiều cửa tấn và đồn lũy kiên cố, gồm: Tấn Bạch Câu (thuộc Nga Sơn), Tấn Hội Triều (thuộc Hoằng Hóa), Tấn Bạng (Ngọc Sơn), pháo đài Biện Sơn (thuộc Hà Trung). Tại Nghệ An có 11 cửa tấn, trong đó có 2 cửa tấn quan trọng là Cửa Hội và Cửa Xá. Tại Hà Tĩnh đặt 3 cửa tấn quan trọng là: Cửa Nhượng (thuộc Cẩm Xuyên), Cửa Khẩu (thuộc Kỳ Anh) và Cửa Sốt (Thuộc Thạch Hà). Thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình có 7 cửa tấn, trong đó các cửa tấn quan trọng là: Tuần Quảng, Nhật Lệ, Linh Giang, Tấn Ròn. Tỉnh Quảng Trị có hai cửa tấn quan trọng là Tấn Việt An và Tấn Tùng Luật.

Ở Nam Kỳ, từ thời các Chúa Nguyễn đã đặc biệt quan tâm bố trí lực lượng quân sự, thiết lập

¹¹ Tham khảo từ Nguyễn Quang Trung Tiến “Quá trình thiết lập hệ thống phòng thủ cửa biển Thuận An (Huế) của triều Nguyễn”, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3 năm 2000 và Đỗ Bang “Hệ thống phòng thủ miền Trung dưới triều Nguyễn”, NXB Văn hóa - Thông tin, tr. 72-81

¹² Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, NXB Thuận Hóa, tập 9, tr. 666, 667.

¹³ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, NXB Thuận Hóa, tập 10, tr. 377

các đồn thủ “nơi xung yếu” để chống giặc, giữ dân, bảo vệ chủ quyền, cụ thể: sách *Đại Nam nhất thống chí* nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của Côn Đảo về mặt quân sự và nhận thức về tầm quan trọng đó của Nhà Nguyễn thể hiện qua việc cho xây dựng một đồn bảo kiên cố trên đảo ngay từ đầu triều Nguyễn: “*Bảo Côn Lôn: ở giữa biển cả về phía đông nam tỉnh. Bảo đặt trên đảo, chu vi 50 thước 8 thước 9 tấc, cao 4 thước 3 tấc, mở 2 cửa, xây một pháo đài và một kỳ đài, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 17, gọi là bảo Thanh Hải. Trước thuộc trấn Gia Định, năm thứ 21 đổi lệ vào huyện Trà Vinh tỉnh Vĩnh Long, năm Thiệu Trị thứ 2 sửa chữa lại và đổi tên hiện nay*”¹⁴. Tại vùng biển phía ngoài Mỹ Tho, chính quyền cho dựng đồn đắp bằng đất ở địa phận thôn Tân Lý Tây (giồng Kiến Định, huyện Kiến Khang) gọi là đồn Trấn Định để phòng thủ, bảo vệ an ninh, trật tự. Tại các đồn bảo hay cửa tấn, lực lượng quân đội luôn túc trực với số lượng khá hùng hậu. Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn: giữ cửa Soài rập có 3 đội quân, mỗi đội 3 Đồng Tranh (?), giữ cửa Đại, cửa Tiểu, giữ cửa Ba Lai cũng đều như thế. Giữ Trường Đồn ở Mỹ Tho có 5 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 48 người, cộng 720 người. Quân đội từ thời chúa Hi Tông (Nguyễn Phúc Nguyên) đã được trang bị súng đại bác và súng tay theo kỹ thuật của người phương Tây. Ở Vĩnh Thanh: Cửa biển Ngao Châu cho đóng phân thủ, lại tận dụng cù lao Thổ Châu và cù lao Sa Châu và hai thôn Giao Long và An Thịnh làm hai con cá chắn cửa biển, khóa lấy thủy khẩu, không chế cửa biển¹⁵. Cửa biển Cổ Chiên rộng 11 dặm rưỡi, nước triều lên sâu 32 thước, nước triều xuống sâu 18 thước, cách bờ về phía nam 2 dặm rưỡi và phía đông nam 33 dặm rưỡi có cù lao lớn che chắn, cho lập các sở thủ ngự ở đấy để phòng giặc biển, cắt cử dân hai

thôn Trường Lộc, Thái Hòa để cùng bảo vệ¹⁶. Đối với vùng biển Hà Tiên là nơi có nhiều sản vật, nhiều đảo to nhỏ nằm ngoài chấn giữ, như Hòn Đại Kim Dữ ở bờ biển phía nam cách trấn ly chu vi 193 trượng 5 thước, ngăn chặn sóng dữ là hòn ngọc chắn biển, bờ bắc có cầu gỗ để ra vào, đằng sau núi có viện Quan Âm là nơi Tống Thị Sương tu hành, bên tả có diêu đình, những du khách lúc trăng thanh gió mát, ngồi câu cá và ngâm vịnh; đằng trước đặt trại thủ bị, phía tây nam xây bao lũy đá ngăn giữ giặc biển; Hòn Tiểu Kim Dữ, ở ngoài khơi, hình như con kim ngao chắn cửa biển, làm tiêu chí cho thuyền bè ra vào; Đảo Phú Quốc là nơi Nguyễn Ánh từng lần trốn Tây Sơn và được dân chúng cu rư mang, nên khi thu phục được đất Gia Định đã gia ơn miễn thuế thân và dao dịch cho xứ ấy, dù thuyền đánh cá, thuyền đi buôn đều không đánh thuế. Chỉ vì là nơi biển xa hẻo lánh, phải phòng bị giặc biển Chà Và nhân sơ hở đến ăn cướp, cho nên đặt quan thủ ngự, lấy dân làm lính, đều đủ khí giới cùng nhau giữ gìn để giữ bản cảnh mà thôi¹⁷. Vua Gia Long từng có nhiều năm bốn ba trên vùng biển Nam Kỳ nên là người hiểu hơn ai hết về tầm quan trọng của vùng biển này. Vào năm Gia Long thứ 4 (1805) vua sai năm doanh Phiên Trấn, Trấn Biên, Vĩnh Trấn, Trấn Định, Hà Tiên thuộc trấn Gia Định, tra xét sự tích, bờ cõi, thổ sản trong địa hạt và thực đặc đường sá xa gần, núi sông hiểm trở dễ dàng, theo đây vẽ thành bản đồ, lại làm bản biên, theo từng khoản mà chưa rõ để làm tập hành trình¹⁸. Năm Gia Long thứ 9 (1810), lấy quân các cơ của bốn trấn 200 suất và 6 chiếc ghe sai, cho cứ 6 tháng làm một phiên, thay đổi nhau đóng giữ, sai phái việc quan, tuần bắt giặc biển¹⁹. Các đội tuần tra trên vùng biển Tây Nam bộ hoạt động hiệu quả phải kể đến là đội Hà Phú, đội Phú Cường... Các đội này có nhiệm vụ ngăn chặn và

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (2006), quyển 5, Bản dịch Viện Sử học, NXB Thuận Hóa, tr.165.

¹⁵ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 61

¹⁶ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 61, 62

¹⁷ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 68

¹⁸ Trịnh Hoài Đức, Sdd, tr. 80.

¹⁹ Trịnh Hoài Đức, Sdd, tr.136.

đánh bại các cuộc xâm lấn từ các lân bang, bảo vệ biên giới hải đảo và bảo vệ các tàu thuyền thương mại qua lại trong vùng. Do vị trí chiến lược của Hà Tiên, từ thời Minh Mạng, nhà vua đã cho tăng cường hệ thống bảo, tấn: Bảo Giang Thành, bảo Phú Quốc, bảo Hàm Ninh, pháo đài nhỏ Tô Châu, tấn Kim Dữ, tấn Hoàng Giang, tấn Bồ Đề, tấn Ghềnh Hàu... . Năm 1834, vua Minh Mạng sai đặt hệ thống cung trạm từ lũy Phù Dung, Hà Tiên đến chùa Kim Tháp, Nam Vang dài 33.194 trượng, chia đặt 12 trạm; từ Sóc Cù đến đồn phủ Quảng Biên dài 15.193 trượng chia đặt 5 trạm, mặt đường đều rộng 2 trượng. Trên đảo Phú Quốc, công việc xây dựng đồn binh cũng được triển khai từ năm 1833. Quy mô đồn Phú Quốc khá lớn (*dài suốt 45 trượng 1 thước 6 tấc, cao 7 thước 2 tấc, dày 9 thước; thân đồn và 4 góc*), thành được xây bằng gỗ và đất (*trong ngoài đều hàng rào gỗ, giữa đổ đầy đất*), cấu tạo thành gồm 2 bên tả hữu đều xây 1 cửa cao 8 thước, rộng 6 thước; ở trên làm nhà vuông; hào đào rộng 1 trượng, sâu 3 thước; bên trong đồn, có trại lính 5 gian 2 chái; phía sau đồn làm kho thuốc đạn 2 gian, bên ngoài đồn phía trước bên tả, chỗ gò cát làm 1 chòi canh cao 2 trượng, trên đồn chia đặt 2 cỗ súng gang phách sơn, 6 cỗ súng đồng quá sơn, 1 suất đội, 50 binh²⁰. Năm 1838, vua Minh Mạng lại cho xây thêm đồn Hàm Ninh trên đảo Phú Quốc. Đồn Hàm Ninh dài suốt 32 trượng chiều cao chiều dày cũng như đồn Phú Quốc 4 mặt đều đóng hàng rào gỗ; bên tả xây 1 cửa cao 8 thước, rộng 5 thước, trên gác bằng gỗ; hào dài rộng 8 thước, sâu 3 thước; bên trong đồn, có trại lính 3 gian 2 chái; đoạn giữa phía mặt trước, dựng 1 cái chòi canh cao 2 trượng; 2 góc tả, hữu đặt 2 cỗ súng đồng quá sơn, 1 suất đội 20 binh đóng giữ ở đấy²¹.

Từ thời vua Minh Mạng, triều đình đã tiến hành ban bố các quy chế như “Tuần dương

chương trình”, “Tuần thuyền quy thức” và “Tuần dương xử phạt lệ”... nhằm mục đích chống cướp biển, trạm dương và giữ gìn an ninh cho các loại tàu thuyền hoạt động ven biển. Việc tuần tra, kiểm soát vùng biển được giao cho quân đội chính quy, song các địa phương cũng thường được triều đình giao cho quyền chủ động lấy dân địa phương tuần thám. Vua Minh Mạng đã từng có dụ: “*các tỉnh có hải phận đều đóng hai, ba chiếc thuyền nhanh nhẹn, sai dân các đảo sửa chữa thuyền đánh cá, liệu cấp khí giới để đi tuần thám*”²². Dưới thời Minh Mạng ngoài các đội Hoàng Sa, Bắc Hải, tại vùng biển Tây Nam bộ còn có các đội Hà Phú, Phú Cường đảm nhận hoạt động tuần tra, canh gác biển đảo. Nhà vua còn yêu cầu Bộ Công biên soạn sách Hải trình tập nghiệm để phục vụ cho hoạt động tuần tra trên biển. Sách cung cấp những hiểu biết về 4 vấn đề chính: “tóm tắt về mưa gió”, “những điều kiêng kỵ khi đóng tàu thuyền”, “những điều kiêng kỵ khi chạy tàu” và “Tập nghiệm những việc đã qua”. Phan Huy Chú khi phụng mệnh vua Minh Mạng đi Battavia vào năm 1832 về cũng đã viết Hải trình chí lược cung cấp nhiều thông tin về vùng biển vịnh Xiêm La.

Dưới thời vua Tự Đức (1856) luật lệ đi tuần tiểu đường biển và lệ thưởng phạt được ban bố, trong đó quy định rõ: “*Một khoản*; những thuyền Kinh phái, thuyền Tĩnh phái và thuyền của đồn cửa biển đi tuần phải liên lạc thay đổi nhau đi trên mặt biển, không chỗ nào được bỏ thiếu. Nếu gặp thuyền giặc phải lập tức tiến đến đánh bắt hoặc tiến hành bắn 3 phát đại bác, hoặc đốt 5 phát pháo thẳng thiên; thuyền đi gần nghe, trông thấy phải đến ngay đánh giúp. Hoặc thuyền giặc trở chạy lúc sóng gió to thì dùng thuyền kiêu mới, lúc yên lặng sóng gió thì dùng thuyền Ô, thuyền Lê sẵn đuổi đánh đều là đắc lực. *Một khoản*; hàng năm đi tuần ngoài khơi, các Quân

²⁰ Đại Nam thực lục, tập V, tr. 240-241

²¹ Đại Nam thực lục, tập V, tr. 241

²² Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập V, tr. 427

vệ, Quân cơ cho đến Suất đội, Đội trưởng, pháo thủ đều phải chọn lấy những người giỏi giang quen thạo sung làm. Về phần biển nào có giặc phát ra mà bộ biên lại ở chỗ khác, vậy bắt không kịp thì vẫn lấy tấn thủ là tội đầu. Nếu trong khi giặc phát ra, bộ biên ở đồn ấy mà không trông biết, hết sức đánh bắt được thì bộ biên là tội đầu lấy tội của viên Tấn thủ mà bắt tội, Tấn thủ thì theo thứ tự mà giảm dần xuống. *Một khoản*: người giữ việc bắt giặc nếu thực có công trạng bắt chém được giặc cùng là 3 lần đi tuần biển giữ được yên lặng thì Quân cơ, Quân vệ và Cai đội, Suất đội nếu người nào đã thực thụ rồi thì thường hậu hoặc thăng trật, còn những người hàm thư đã qua thì đổi định là 2 năm, cùng là người phải đình lưu hay thí sai là 3 năm, nay không kể đã đủ niên hạn hay chưa, phạm người nào đã 5 lần được yên lặng lại không can tội gì nặng về tư đều cho bổ ngũ ngay”²³.

3. Để bảo vệ vững chắc vùng biển của tổ quốc, vương triều Nguyễn chú trọng đóng các loại tàu thuyền bền chắc, xây dựng thủy quân vững mạnh

Trong việc xây dựng quân đội, nhà Nguyễn đã nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của thủy quân và đã có sự cố gắng lớn trong việc xây dựng binh chủng này. Theo Tạ Chí Đại Trường trong cuốn *Lịch Sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*, vào đầu triều Nguyễn lực lượng thủy binh lên đến 26.800 người trên tổng số 139.800 người lính trong quân ngũ. Trong đó, chia ra: số binh lính làm trong các xưởng đóng tàu 8.000 người, thủy binh trên các tàu canh giữ cửa biển 8.000 người, thủy binh trên các tàu đóng kiểu Âu 1.200 người, thủy binh trên các thuyền mảnh là 1.600, thủy binh trên các thuyền chiến có chèo 8.000 người²⁴. Con số này cũng phù hợp với số liệu về lực lượng thủy quân nhà Nguyễn thời Gia Long

của J.Barrow đưa ra trong cuốn *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793*.

Vào đầu thời Nguyễn, đặc biệt thời Thiệu Trị và đời Tự Đức, hải quân đã được trang bị nhiều loại tàu thuyền. Mỗi loại tuy cỡ lớn nhỏ mà có chức năng khác nhau. Về chủng loại, có các loại²⁵:

Thuyền máy: là loại thuyền chạy bằng hơi nước, sách thường chép là thuyền hỏa cơ, có 3 hạng (hạng to là Điện phi, hạng vừa là Yến phi, hạng nhỏ là Vân phi).

Thuyền bọc đồng: là loại thuyền lớn thường hoạt động ngoài đại dương. Thuyền được coi như là báu vật quốc gia và đã được đúc hình trên Chương đình đặt trước nhà Thế Miếu. Loại thuyền này cũng chia làm 4 hạng (hạng lớn, hạng nhất, hạng nhì, hạng ba). Khi làm biển đề tên cho các thuyền bọc đồng, nhà nước đã quy định rõ để phân biệt từng hạng, ví như Bảo Long, Thái Loan, Kim Ung, Linh Phụng, Phần Bằng là hạng lớn; Vũ Phi, Vân Điều, Thần Giao, Tiên Ly, Thọ Hạc là hạng nhất; Tĩnh Dương, Bình Dương, Định Dương, Diêm Dương hạng nhì; Thanh Hải, Tĩnh Hải, Bình Hải, Định Hải, An Hải là hạng ba.

Thuyền gỗ: Thuyền gỗ không bọc đồng thường là những thuyền vận tải hạng lớn và nhỏ dùng trong quân đội hoặc trong các việc chung. Về thuyền vận tải có những thuyền gọi là Hải Vận, Đại Dịch, Miễn Dịch. Những người làm việc trên thuyền đều là binh lính, còn người chỉ huy là những Chương cơ vệ thủy sư, Thự Chương vệ thủy sư. Vật liệu chở trên thuyền là hàng dân dụng.

Sách *Đại Nam hội điển sự lệ* cho biết rõ số lượng tàu thuyền của nhà Nguyễn vào năm 1828, chỉ riêng ở kinh sư đã có 379 chiếc thuyền định ngạch, còn các tỉnh thành lớn như Gia Định có 105 chiếc, Nam Định 85 chiếc, Nghệ An 40

²³ Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, sdd

²⁴Tạ Chí Đại Trường, Lịch Sử Nội Chiến Ở Việt Nam, trang 230

²⁵Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, sdd

chiếc, Quảng Nam 40 chiếc, Quảng Ngãi 25 chiếc²⁶ ...

Việc tu bổ và đóng mới thuyền là công việc triều đình thường xuyên tiến hành. Tháng 9 năm Đinh Tỵ (1847) nhà nước định lệ tu bổ tàu thuyền: phạm những thuyền bọc đồng kể từ 5 năm mới đóng thì 5 năm tu bổ một lần, thuyền không bọc đồng thì 3 năm tu bổ. Đã trải 2 - 3 lần rồi mà có hư hỏng, cho tháo ra từng tấm ván để đóng lại; nếu không hư hỏng thì chỉ hóa vật công ra để tu bổ, không buộc vào niên hạn, cứ hàng năm tu bổ và sửa chữa lại một lần. Năm Ất Mão (1855), tháng 3, triều đình lại định ra chương trình đóng lại và sửa chữa các loại tàu thuyền.

4. Đảm bảo an ninh trên biển và chống cướp biển là một trong những hoạt động thường xuyên của vương triều Nguyễn

Dưới thời Nguyễn, các toán cướp biển người Hoa (Tàu ô) thường hoạt động trên vùng biển nước ta. Chúng dùng nhiều thủ đoạn trà trộn, bắt ngờ đánh cướp gây nhiều tổn thất cho tàu buôn và các hoạt động của ngư dân và là thách thức đối với chính quyền. Năm 1828, vua Minh Mạng đã xuống dụ: đối với tàu thuyền khả nghi “*nếu không có cờ, tức là thuyền của giặc, phải nhanh chóng đuổi đánh không làm lỡ*”²⁷. Từ năm 1829, vua Minh Mạng đã ra lệnh cấp kính thiên lý cho các tỉnh có vùng biển, đồn biển và thuyền tuần tiểu để quan sát kịp thời từ xa. Và từ năm 1838, nhà vua cho đóng thuyền khóa đồng (bọc đồng) để tăng hiệu quả tuần tiểu trên biển. Qua Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ, được biết: thuyền đồng dài 4 trượng, 4 thước, 1 tấc, ngang 1 trượng, 4 tấc, có sàn ngồi để đánh nhau. Các tỉnh dọc theo bờ bể thời làm theo hình dáng thuyền “đại dịch”, mỗi tỉnh hai chiếc mà tỉnh nào mặt bể rộng mênh mông thời làm ba, bốn chiếc đều gọi

là thuyền tuần dương. Sách *Đại Nam hội điển sự lệ* cho biết thêm, triều đình có quy định thường, phạt rất nghiêm minh đối với hoạt động chống cướp biển. Lệ thường có thể lên đến 1000 quan tiền nếu bắt được thuyền cướp biển loại lớn, 500 quan tiền nếu bắt được thuyền hạng nhỏ. Ngược lại, hải phận nào giặc nổi lên một lần mà viên tẩn thủ và bộ biên hoặc sơ suất không biết, hoặc xét bắt không kịp thời, để giặc biển chạy thoát thì viên tẩn thủ bị giáng 4 cấp, quản cơ, quản vệ giáng 2 cấp, suất đội giáng 1 cấp. Còn như thuyền binh Kinh phái đi qua hạt ấy mà không biết đánh dẹp thì quản vệ cũng bị giáng 2 cấp, suất đội giáng 1 cấp. Lệ thường phạt áp dụng cho cả quân và dân.

Sử liệu nhà Nguyễn cũng ghi chép khá nhiều về hoạt động cướp biển của hải tặc Chà Và (một cách gọi chung dùng để chỉ các nhóm cướp biển có nguồn gốc từ các đảo, quần đảo ngoài khơi Đông Nam Á). Vùng Biển Nam Kỳ là nơi gánh chịu nạn hải tặc Chà Và với tần suất rất cao. Trên vùng biển kín của Vịnh Thái Lan nhiều hòn lấm đảo, lại nằm trên đường trung chuyển. Đây chính là điều kiện lý tưởng để các băng cướp biển trú ngụ trên các hoang đảo, chặn tàu để cướp. Chúng còn lập căn cứ ở một số đảo để bắt ngờ đánh cướp các tàu thuyền qua lại vùng vịnh Xiêm La và Hà Tiên. Không phải ngẫu nhiên mà người ta gán cho hòn Đốc và các hòn lân cận trên quần đảo Hòn Tre cái tên “quần đảo Hải Tặc”. Các nhóm hải tặc thường xuyên cướp phá ở các đảo Hòn Tre, Hòn Cau, Hòn Rái, Hòn Cỏ Rồng, Phú Quốc, biển Kiên Giang, biển Hà Tiên.... Dưới triều Minh Mạng, thủy quân nhà Nguyễn đã liên tục đánh bại nhiều cuộc cướp bóc của cướp biển Chà Và vào các năm 1822, 1823, 1825, 1828, 1830, 1834 ở bãi biển Hà Tiên, đảo Hòn Rái (Lại Dữ), đảo Cỏ Rồng (Long Cảnh). Tháng 6 năm Đinh Dậu (1837), 3 chiếc thuyền giặc biển Chà Và lại đến đảo Hòn Rái tỉnh Hà Tiên, Quản cơ Nguyễn Văn Do và Phòng thủ úy Nguyễn Toán đem quân đuổi đánh, bắt được đầu mục giặc là

²⁶ vnsea.net - Người Việt chinh phục đại dương - Kì 3, 03-02-2012 vnsea.net/tabid/127/ArticleID/816/language/en-US/Default.aspx

²⁷ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập V, tr. 425

Băng Ly Ma Ô Tôn, Băng Ly Ma Cô Lý và đồng đảng 43 tên, chém được 12 đầu giặc, số còn lại nhảy xuống biển chết, thu hết được thuyền súng và khí giới của giặc²⁸.

Hoạt động xác lập, thực thi chủ quyền và quyền chủ quyền trên vùng biển Đông của Tổ quốc của vương triều Nguyễn đã góp phần hoàn chỉnh bản đồ Việt Nam, đồng thời, đưa vùng biển Đông của Việt Nam thành một trong những địa bàn trọng yếu trong hội lưu quốc tế, góp phần quan trọng vào công cuộc kiến thiết và bảo vệ an ninh quốc gia.

Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn (1802-1884) với những biện pháp thiết thực, hiệu quả trên đây là những bài học kinh nghiệm lịch sử quý giá không chỉ mang ý nghĩa “ôn cố tri tân” mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc.

²⁸ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập V, trang 106

The maritime defense activities under the Nguyen dynasty (1802-1884)

• **Tran Thi Mai**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The Emperor Minh Mang once affirmed: "The governance of nation should focus on ethical practice and danger-matter consideration. These two things are indispensable. Now I conduct copper-shipbuilding, take advantage of the important coastal areas to build plants, preserve those ships when needed". Not only Emperor Minh Mang but the Nguyen Emperors from Gia Long to Thieu Tri and Tu Duc were highly aware of the country's territorial waters defense. The Nguyen Dynasty's marine

considerations including the monitoring and defending were expressed through practical activities: building a strong navy, developing maritime defense systems; promulgate regulations like "tuan duyen chuong trinh", "tuan thuyen quy thuc" and "tuan duong xu phan le"... The maritime defense activities under Nguyen Dynasty (1802-1884) and the lessons learned from these activities will help us "know the past, find the future" and acquire insightful practical values also.

Keywords: defense, Nguyen Dynasty.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dẫn lại từ Vu Hưởng Đông, *Ý thức biển của vua Minh Mệnh*, Tạp chí Xưa và nay, tháng 11-2009
- [2]. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1977.
- [3]. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí, bản dịch Viện Sử học*, Nhà xuất bản Giáo dục, 1998.
- [4]. Phan Khoang, *Việt Sử xứ Đàng Trong*, Nhà xuất bản Văn học, 2001.
- [5]. *Quốc sử quán triều Nguyễn – Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, nhà xuất bản Thuận Hóa, 2006.
- [6]. *Quốc Sử Quán triều Nguyễn - Đại Nam thực lục*, tập I, II, III và V,
- [7]. Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2007.
- [8]. Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, NXB Thuận Hóa, tập V, IX.

[9]. Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, tập III, NXB Thuận Hóa, 1994.

[10]. Trần Thanh Phương, *Minh Hải địa chí*, Nhà xuất bản Mũi Cà Mau, 2005.